

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HC-PT

Ngày 21-01-2022

V/v “*kiếu kiện quyết định hành  
chính về việc phê duyệt điều chỉnh  
kinh phí bồi thường, hỗ trợ*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Minh.

Ông Hoàng Minh Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc- Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cáo tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 654/2020/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2020 về “*kiếu kiện quyết định phê duyệt, điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ*”.

Do Bản án hành chính số 23/2020/HC- ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 418/2021/QĐPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Liên Ngọc T**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Hùng P, sinh năm 1982; địa chỉ: A, phường B, quận C, TP. Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 03/02/2020) (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Anh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2020) (có văn bản đề

ngiht xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Chí K (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Doanh nghiệp tư nhân số 1 Điện Biên** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố số B, phường C, thành phố D, tỉnh Điện Biên.

Chi nhánh Cần Thơ: khu A, cồn B, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Ông Liêng Ngọc T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện của người khởi kiện trình bày:*

Ông T được cha mẹ cho đất và sử dụng phần đất bị thu hồi trước ngày 15/10/1993 nhưng khi Nhà nước thu hồi đất lại không được bồi thường mà chỉ hỗ trợ 50% giá trị đất là thiệt thòi cho gia đình ông.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thu hồi đất của gia đình ông để giao cho doanh nghiệp tư nhân xây dựng khách sạn 5 sao Mưòng Thanh kinh doanh nhưng không bồi thường theo giá thị trường là thiệt thòi cho ông. Ông T đã khởi kiện về việc thu hồi đất và giá bồi thường tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/HCST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và bản án hành chính phúc thẩm số 01/2019/HCPT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tách yêu cầu bồi thường do thu hồi đất ra thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của hộ ông T và xem xét quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 887/QĐ.UBT.79 ngày 07/11/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ).

- *Người bị kiện có văn bản trình bày ý kiến:*

Ngày 11/7/2014 ông Liêng Ngọc T đã nhận được Thông báo số 726/TB.HĐBT ngày 10/7/2014 về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Ngày 31/12/2015 ông T đã ký nhận xong số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 1794. Do đó, căn cứ tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015 thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 1794 đã hết.

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ cho ông T: Đất của ông T sử dụng có

nguồn gốc là do ông T cho lại sử dụng. Việc ông T sử dụng đất là do mua lại từ bà Trần Kim P bằng giấy tay vào năm 1992, việc mua bán này vi phạm Điều 5 Luật đất đai năm 1987. Mặt khác, việc ông T mua bán bằng giấy tay vào năm 1992 và ông T cất nhà để ở vào năm 1996 là sau thời điểm quy hoạch, Ủy ban nhân thành phố (cũ) nay là Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều đã quản lý và có văn bản cấm xây dựng, mua bán nhà, đất lấn chiếm đất trong khu quy hoạch Cồn Cái Khế. Tuy nhiên, do quản lý đất còn lỏng lẻo từ phía chính quyền địa phương nên Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ căn cứ vào tình hình thực hiện tại từng thời điểm của dự án tại khu vực Cồn Cái Khế (kể cả mốc thời gian lấn chiếm sử dụng, sang bán và cất nhà ở trái phép của các hộ) mà vận dụng vào khoản 1 Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 (sau này là khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009) để xem xét hỗ trợ phần trăm giá trị đất là đúng quy định và hợp lý (cụ thể: đã phê duyệt hỗ trợ 50% giá trị đất tại Quyết định 1794)

Về đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện theo bảng giá đất năm 2014 được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua và Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành tại Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013.

Về bồi thường nhà, vật kiến trúc: theo biên bản kiểm kê vào ngày 06/10/2005 và bảng xác định tính pháp lý nhà, đất ngày 28/11/2005 cho thấy nhà ở được xây dựng vào thời điểm năm 1996 và không được phép xây dựng, xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; khoản 2 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010; khoản 6 Điều 1 Quyết định 15/2014/QĐ-UBND ngày 08/02/2014 nhận thấy việc áp giá hỗ trợ 80% giá trị về nhà, vật kiến trúc cho ông T là phù hợp theo quy định.

Về chính sách tái định cư: theo Công văn 2746/UBND-KT ngày 05/6/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xét cho ông T mua một nền tái định cư diện tích 60m<sup>2</sup>. Ngày 31/10/2016 Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy ban hành Quyết định 3261/QĐ-UBND về việc giao nền tái định cư cho ông T diện tích 115,60m<sup>2</sup>, lô số LK5-41, thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 12 (ông T phải nộp số tiền là 450.840.000 đồng) tại phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp tư nhân số 1 Điện Biên:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại bản án hành chính số 23/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:*

Căn cứ Điều 38, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003, khoản 3, khoản 6 Điều 7, Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; khoản 1 Điều 14, Điều 30, khoản 2 Điều 31

Nghị định 69/2009/NĐ-CP;

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1794/QĐ-CP ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Liêng Ngọc T bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/10/2020, ông T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND thành phố Cần Thơ và xem xét quyết định hành chính liên quan số 887/QĐ.UBT.79 ngày 07/11/1979 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa hôm nay, ông P đại diện của ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận ông P trình bày: Nguồn gốc đất là do ông T (là cha ông T) mua của bà Trần Kim P bằng giấy tay, khi ông T mua của bà P đã có căn nhà bà P trên đất, năm 1992, ông T cắt một phần đất không có nhà trong tổng diện tích đất mua của bà P cho ông T, ông T làm nhà ở trên đất từ năm 1996, ông T được UBND phường xác nhận sử dụng ổn định từ năm 1992, không tranh chấp nên được bồi thường đất về đất khi bị thu hồi. Việc UBND TP. Cần Thơ chỉ hỗ trợ 50% giá trị bồi thường về đất là không đúng, căn cứ Điều 8 nghị định 187/2004 đề nghị được bồi thường về đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định tố tụng, không vi phạm.

Về nội dung kháng cáo: Ông T chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên không đủ điều kiện bồi thường, ông T đã được hỗ trợ về đất, cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết gì mới nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên phần quyết định của án sơ thẩm bị kháng cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Ông Tkhởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Liêng Ngọc T bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm hội nghị thành phố Cần Thơ và yêu cầu xem xét quyết định hành chính liên quan số 887/QĐ.UBT.79 ngày 07/11/1979 của UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) về việc cho chủ trương cho UBND thành phố Cần Thơ được phép giải tỏa khu Cồn cát thuộc phường Cái Khế, TP. Cần Thơ để xây dựng trung tâm văn hóa thành phố Cần Thơ.

[2]- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

- Đối với các quyết định số 887/QĐ.UBT.79 ngày 07/11/1979 của UBND tỉnh Hậu Giang:

Đây là quyết định của cơ quan có thẩm quyền về mặt chủ trương sử dụng đất khu Cồn cát thuộc phường Cái Khế, mặt khác thời điểm này ông T chưa phải là chủ đất nên quyết định này không trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên ông T không có quyền khởi kiện.

- Đối với Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Liêng Ngọc T:

Đất ông T bị thu hồi và ông T đã khởi kiện quyết định thu hồi đất nhưng không được tòa án chấp nhận. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Căn cứ Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 30, 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP thì UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1794/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[3]- Về nội dung Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND thành phố Cần Thơ:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của người bị kiện thì nguồn gốc diện tích 249,9m<sup>2</sup> đất ông T sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc là đất của bà Trần Kim P chuyển nhượng lại cho ông Liêng Văn T bằng giấy tay vào năm 1992, cùng năm 1992 ông T cho ông T sử dụng, năm 1996 ông T cất nhà ở. Như vậy, đất ông T sử dụng không phải do lấn chiếm của nhà nước, đã sử dụng

ôn định trước ngày 15/10/1993, không tranh chấp, đất ông T thuộc trường hợp không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003.

**Điều 11 và Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP quy định:**

**Điều 11. Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định**

1. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất hoặc nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở (sau đây gọi là người nhận chuyển quyền) trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận nhưng có giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của bên chuyển quyền (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển quyền) thì không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, người nhận chuyển quyền nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 135 hoặc khoản 1 Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP.

**Điều 44. Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất**

1. Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:

a) Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư;

b) Trường hợp đất đang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (không phải đất ở) và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng. Trường hợp trên thửa đất có cả phần diện tích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp thì phần diện tích đó được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp;

*c) Trường hợp đất đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp mà người đang sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường, hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP;*

*Khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP quy định:*

*Hộ gia đình, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất được sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm sau đây (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):*

*a) Vi phạm quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai;*

*b) Vi phạm quy hoạch chi tiết mặt bằng xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai đối với diện tích đất đã giao cho tổ chức, cộng đồng dân cư quản lý;*

*c) Lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố, cắm mốc;*

*d) Lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè đã có chỉ giới xây dựng;*

*đ) Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm*

Thời điểm ông T nhận đất từ ông T năm 1992 thì ông T không vi phạm khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. Theo Quyết định 887/QĐ-UBT.79 ngày 07/11/1979 của UBND tỉnh Hậu Giang, Thông báo số 14/TB-TP-90 ngày 08/3/1990 và Thông báo số 21/TB-TP-91 ngày 28/5/1991 của UBND thành phố Cần Thơ thì đất ông T nhận từ ông T vào năm 1992, sau khi có quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa của thành phố Cần Thơ nhưng thực tế không thực hiện mà có sự thay đổi quy hoạch sử dụng đất. Ngày 19/11/2008, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2948/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cồn Cái Khế với quy hoạch khu trung tâm hội nghị và công trình đa chức năng.

Như vậy, quy hoạch theo Quyết định 887/QĐ-UBT.79 ngày 07/11/1979 của UBND tỉnh Hậu Giang đã bị bỏ và thay vào đó là quy hoạch theo Quyết định số 2948/QĐ-UBND. Ông T sử dụng đất, cất nhà trước khi có Quyết định số 2948/QĐ-UBND nên không vi phạm quy hoạch theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 6 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP và các quy định viện dẫn trên thì trường hợp của ông T được bồi thường về đất.

Mặt khác, theo quy định viện dẫn trên thì nếu bà P không chuyển nhượng cho ông T thì bà P cũng được bồi thường về đất khi bị thu hồi. Giữa bà P và ông T, ông T không tranh chấp nên theo quy định tại Điều 11 Nghị định 84/2007/NĐ-CP thì mặc dù bà P chỉ chuyển nhượng cho ông T bằng giấy tay nhưng hợp đồng vẫn được công nhận nên trường hợp này phải được bồi thường về đất.

UBND thành phố Cần Thơ chỉ hỗ trợ cho ông T 50% giá trị đất mà không bồi thường đất bị thu hồi là trái pháp luật.

Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, hủy toàn bộ Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND thành phố Cần Thơ.

[3]- UBND thành phố Cần Thơ phải chịu án phí sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của ông Liêng Ngọc T; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/2020/HC- ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

Căn cứ:

- khoản 6 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 11 và Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Ngọc T.

Hủy toàn bộ Quyết định số 1794/QĐ-CP ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Liêng Ngọc T bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ.

2- Án phí: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho ông T 600.000đ tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu tiền số 001812 ngày



17/12/2019 và số 60 ngày 07/10/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3) (07);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**